

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14/01/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhật và ông Nông Viết Lâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Xóm LM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2020 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ, trước khi cưới có được tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi cờ bạc, phá tán T sản, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 21/02/2018. Hiện nay các con đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn đề nghị xin ly hôn của anh Lê Văn T có xác nhận của UBND xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ ngày 05/8/2020, anh T trình bày: Anh và chị L có đăng ký kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng sinh được 02 cháu là Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 21/02/2018. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh T tự nhận bản thân nhiều lần chơi cờ bạc, mất nhiều tiền của của gia đình, chị L và gia đình đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh T và khuyên bảo nhưng không thay đổi. Vì vậy, chị L đã đưa 02 con về nhà ngoại ở xóm LM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Về T sản chung và nợ chung không có. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khi ly hôn anh có nguyện vọng để cho chị L nuôi cả 02 cháu.

Tại Biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết, anh T cùng chị L đã đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên là Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn của anh chị. Anh T cũng đề nghị “Nếu vì lý do nào đó tôi không đến được Tòa án để giải quyết việc ly hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện VN giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Ý kiến của con trên 7 tuổi: cháu Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 có bản trình bày nguyện vọng có xác nhận của người giám hộ là chị L, nội dung cháu Y có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- + Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.
- + Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 21/02/2018. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T.
- + Về T sản chung, nợ chung: Không giải quyết.
- + Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn có nơi cư trú tại xóm LM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, mặc dù bị đơn có nơi cư trú tại khu 6, xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ nhưng nguyên đơn và bị đơn đã có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa

án nhân dân huyện VN là nơi giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện VN đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Phú Thọ tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh việc vắng mặt của anh T tại gia đình, ghi lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Tô Thị H. Quyền lợi của anh T đã được đảm bảo. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã LS, huyện HH, tỉnh Phú Thọ, trước khi cưới có được tìm hiểu, lấy nhau trên cơ sở tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi cờ bạc, phá tán T sản, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, chị L đã đưa cả 02 con về xóm LM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên sống cùng với bố mẹ đẻ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị L là có cơ sở cần được chấp nhận, cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T sinh được hai con chung là cháu Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 21/02/2018. Hiện nay cả 02 cháu đang sống cùng với chị L và học tập tại xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Chị L và anh T đều thống nhất, khi ly hôn sẽ để chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu. Nguyện vọng của cháu Y (con trên 7 tuổi) cũng muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của các bên là phù hợp, cần giao cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu là Lê Hải Y và Lê Anh T. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị L không yêu cầu.

[4]. Về T sản chung, nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Trong vụ án này, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp, cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Lê Hải Y, sinh ngày 03/6/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 21/02/2018;

Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Anh T vẫn có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

3. Về T sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0007755 ngày 26/10/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VN;
- THADS huyện VN;
- UBND xã LS, huyện HH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thắng